

ĐỀ CƯƠNG

Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 (Chiến lược)

I. SỰ CẦN THIẾT, TÍNH CẤP BÁCH VÀ Ý NGHĨA THỰC TIỄN CỦA CHIẾN LƯỢC

1. Sự cần thiết của Chiến lược

- Từ Điều 9 đến Điều 11 của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo có quy định về chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có yêu cầu trong thực hiện Kế hoạch 5 năm đến năm 2025 là “Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và lập mới các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan đến biển bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 36-NQ/TW”.

- Năm 2020 là năm kết thúc kỳ thực hiện của Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (gọi tắt là Chiến lược 1570) và Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (gọi tắt là Chiến lược 2295). Do đó, cần thiết xây dựng Chiến lược mới để nối tiếp việc triển khai công tác quản lý khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo trong thời kỳ tiếp theo.

Từ những căn cứ trên, cần thiết phải xây dựng Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 (trong đó bao gồm cả những nội dung quản lý tổng hợp vùng bờ).

2. Tính cấp bách và ý nghĩa thực tiễn của Chiến lược

(Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với đời sống quốc tế, việc xây dựng Chiến lược để đáp ứng nhu cầu quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, hải đảo và vùng bờ theo hướng bền vững, đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh, phòng chống thiên tai trên biển, bảo vệ các quyền và lợi ích quốc gia của Việt Nam ở Biển Đông)

II. CĂN CỨ LẬP CHIẾN LƯỢC

1. Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước

(Các nghị quyết của Đảng và Chính phủ liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ, phát triển biển và hải đảo Việt Nam).

2. Căn cứ pháp lý

- Luật biển Việt Nam.
- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Các luật chuyên ngành có liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.
- Nghị định 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Căn cứ thực tiễn

3.1. Điều kiện tự nhiên biển và hải đảo Việt Nam

(Vị trí địa lý, khí hậu, thủy triều, cấu trúc hoàn lưu, tài nguyên biển, hải đảo và vùng bờ)

3.2. Hiện trạng và yêu cầu bảo vệ tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

(Tình trạng suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường biển và hải đảo, các vấn đề nổi cộm như tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, hạn hán, xói lở, xâm nhập mặn, rác thải nhựa...)

3.3. Tình hình quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo

3.4. Nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo

3.5. Kết quả tổng kết việc thực hiện Chiến lược 1570 và Chiến lược 2295

III. PHẠM VI, THỜI KỲ LẬP, TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC

1. Phạm vi

Các vùng biển và hải đảo thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; vùng đất ven biển bao gồm các xã, phường, thị trấn có biển.

2. Thời kỳ lập, tầm nhìn

Chiến lược được lập cho giai đoạn 2021 - 2040, tầm nhìn đến năm 2050

IV. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Đề xuất các quan điểm của Chiến lược chủ yếu tập trung:

- Tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và vùng bờ có vai trò quan trọng đối với tiến trình xây dựng đất nước, góp phần bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ các quyền và lợi ích quốc gia của Việt Nam ở Biển Đông.

- Khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, hải đảo và vùng bờ là bảo đảm sự hài hòa giữa ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường, là nền tảng cho phát triển kinh tế biển xanh của đất nước. Quản lý tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và vùng bờ phải theo phương thức tổng hợp dựa trên cơ chế điều phối liên ngành, liên vùng.

- Điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phải đi trước một bước nhằm tạo cơ sở cho hoạt động quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế biển, bảo đảm quốc phòng - an ninh trên biển, phòng chống thiên tai có nguồn gốc từ biển.

- Phát triển khoa học, công nghệ tiên tiến, hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao cùng với nâng cao nhận thức của toàn xã hội là nhân tố đột phá, trên cơ sở kết hợp huy động các nguồn lực trong và ngoài nước, chủ động, nâng cao hiệu quả hội nhập, hợp tác quốc tế.

2. Nguyên tắc

(Đề xuất các nguyên tắc quản lý, phát triển và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và vùng bờ)

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu tổng quát

3.2. Mục tiêu cụ thể

(Đề xuất các mục tiêu cụ thể về hoàn thiện chính sách, pháp luật; tổ chức điều tra cơ bản biển và hải đảo, khai thác bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo và vùng bờ).

4. Tầm nhìn đến năm 2050

(Đề xuất định hướng việc quản lý, khai thác bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, hải đảo và vùng bờ với tầm nhìn đến năm 2050).

5. Các đột phá Chiến lược

(Căn cứ vào tình hình thực tiễn, các bộ, ngành, địa phương xác định và đề xuất những ưu tiên cho các đột phá Chiến lược).

V. ĐỊNH HƯỚNG, NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Định hướng

(Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương để đề xuất định hướng của Chiến lược)

1.1. Định hướng về hoàn thiện chính sách, pháp luật quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, hải đảo và vùng bờ

1.2. Định hướng về điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và vùng bờ

1.3. Định hướng về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển, hải đảo và vùng bờ; phát triển kinh tế biển

1.4. Định hướng về bảo vệ môi trường biển, hải đảo và vùng bờ

1.5. Định hướng về phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng

2. Nội dung và nhiệm vụ

(Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành và địa phương để triển khai thực hiện các nhóm nội dung nhiệm vụ)

2.1. Về xây dựng và hoàn thiện thể chế chính sách, pháp luật quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, hải đảo và vùng bờ

2.2. Về điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và vùng bờ

2.3. Về khai thác, sử dụng tài nguyên biển, hải đảo và vùng bờ

2.4. Về kiểm soát ô nhiễm, ứng phó sự cố tràn dầu, hóa chất độc và nhận chìm ở biển; bảo vệ và duy trì các hệ sinh thái biển

2.5. Về phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng

VI. CÁC GIẢI PHÁP TỔNG THỂ

(Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành và địa phương để đề xuất các giải pháp thực hiện Chiến lược)

2.1. Giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật

2.2. Giải pháp về kiện toàn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức quản lý tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và vùng bờ

2.3. Giải pháp về tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức trong khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển, hải đảo và vùng bờ

2.4. Giải pháp về hợp tác quốc tế về tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và vùng bờ

2.5. Giải pháp về phát triển nhân lực, khoa học – công nghệ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(Đề xuất trách nhiệm tổ chức thực hiện của từng bộ, ngành liên quan và địa phương có biển)

*** Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng bộ, ngành có liên quan và các địa phương có biển, đơn vị xây dựng Đề cương chiến lược xin ý kiến góp ý, bổ sung các nội dung sau:**

- Về chính sách, pháp luật.
- Về các nội dung và giải pháp thực hiện Chiến lược.
- Về đề xuất các đề án, dự án, nhiệm vụ để triển khai kế hoạch 5 năm đến năm 2025 của Chiến lược.

Phụ lục

DANH MỤC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH 5 NĂM ĐẾN NĂM 2025 THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC KHAI THÁC, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO ĐẾN NĂM 2040, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	Về xây dựng chính sách, pháp luật		
1			
2			
...			
II	Về điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và vùng bờ		
1			
2			
...			
III	Về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển và vùng bờ		
1			
2			
...			
IV	Về kiểm soát ô nhiễm, ứng phó sự cố tràn dầu, hóa chất độc và nhận chìm ở biển; bảo vệ và duy trì các hệ sinh thái biển		
1			
2			
...			
V	Về phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng		
1			
2			
...			
VI	Về tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức		

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1			
2			
...			
VII	Về hợp tác quốc tế về tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và vùng bờ		
1			
2			
...			
VIII	Về phát triển nhân lực, khoa học – công nghệ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị		
1			
2			
...			